



中國香港學界體育聯會
2025 - 2026 年度
新界地域中學校際保齡球比賽
參賽運動員名單



比賽日期：2026年3月18日(星期三)

比賽地點：啟德體育園 TOP BOWL 保齡球場

運動員編號	運動員姓名	Name	男/女子組	香港青少年代表隊	學校簡稱	ABBR	讓分
B011	何皓昇	Ho Hoh Sing	男子公開組	N	宣道	CAC	0
B012	何柏希	Ho Pak Hei	男子公開組	N	宣道	CAC	0
B013	鍾舒杰	Zhong Jacky	男子公開組	N	宣道	CAC	0
B021	劉軒	Liu Hin	男子公開組	N	粉陳震夏	CFCHH	0
B022	蘇雋賢	So Chun Yin	男子公開組	N	粉陳震夏	CFCHH	0
B023	沈敬濤	Shum King To	男子公開組	N	粉陳震夏	CFCHH	0
B024	林詩竣	Lin Sze Chun	男子公開組	N	粉陳震夏	CFCHH	0
B025	曾澤源	Zeng Zeyuan	男子公開組	N	粉陳震夏	CFCHH	0
B031	朱汶禧	Chu Man Hei	男子公開組	N	迦密栢雨	CPU	0
B032	尹政賢	Wai Ching Yin	男子公開組	N	迦密栢雨	CPU	0
B033	解本鳴	Xie Ben Ming	男子公開組	N	迦密栢雨	CPU	0
B041	李沛橋	Lee Eugene	男子公開組	N	陳瑞芝	CSCMC	0
B042	陶卓勤	To Cheuk Kan Duncan	男子公開組	N	陳瑞芝	CSCMC	0
B043	吳悅宏	Ng Yuet Wang	男子公開組	N	陳瑞芝	CSCMC	0
B051	廖俊賢	Liu Chun Yin	男子公開組	N	朱敬文	CWCC	0
B052	吳振樺	Ng Chun Wa	男子公開組	N	朱敬文	CWCC	0
B053	梁俊翹	Leung Chun Kiu	男子公開組	N	朱敬文	CWCC	0
B054	鄺子康	Kwong Tsz Hong	男子公開組	N	朱敬文	CWCC	0
B055	黃瀚霆	Wong Hon Ting	男子公開組	N	朱敬文	CWCC	0
B061	羅子樂	Lo Tsz Lok	男子公開組	N	鍾榮光	CWK	0
B062	李卓謙	Lee Cheuk Him	男子公開組	N	鍾榮光	CWK	0
B063	萬展程	Man Chin Ching	男子公開組	N	鍾榮光	CWK	0
B064	張政賢	Cheung Ching Yin	男子公開組	N	鍾榮光	CWK	0
B065	邵浩鋒	Shiu Ho Fung	男子公開組	N	鍾榮光	CWK	0
B071	林昊偉	Lam Ho Wai	男子公開組	N	全完	CYC	0
B072	羅丞希	Law Shing Hei	男子公開組	N	全完	CYC	0
B073	連浩程	Lin Ho Ching	男子公開組	N	全完	CYC	0
B074	陳柏霖	Chan Casky	男子公開組	N	全完	CYC	0
B075	楊康	Yeung Hong	男子公開組	N	全完	CYC	0
B081	李逸晞	Li Yat Hei	男子公開組	N	大埔卍慈	HKRSS	0
B082	麥啟熙	Mak Kai Hei	男子公開組	N	大埔卍慈	HKRSS	0
B083	麥庭凱	Mak Ting Hoi	男子公開組	N	大埔卍慈	HKRSS	0
B084	關志傑	Kwan Chi Kit	男子公開組	N	大埔卍慈	HKRSS	0
B091	林珈曦	Lam Kahill	男子公開組	N	體藝	JCTIC	0
B092	嚴皓昇	Yim Ho Sing	男子公開組	N	體藝	JCTIC	0
B093	胡安燭	Hu An Jue	男子公開組	N	體藝	JCTIC	0
B094	許曉峯	Hui Hiu Fung	男子公開組	N	體藝	JCTIC	0
B095	盛豐	Shing Fung	男子公開組	N	體藝	JCTIC	0
B101	林偉瓏	Lin Weilong	男子公開組	N	葵涌循道	KCMC	0
B102	林展鋒	Lam Chin Fung	男子公開組	N	葵涌循道	KCMC	0
B103	鄭子穎	Cheng Tsz Wing	男子公開組	N	葵涌循道	KCMC	0
B104	周珀揚	Chau Paak Yeung	男子公開組	N	葵涌循道	KCMC	0
B111	謝宜叡	Xie Jerry	男子公開組	N	梁銖鋸	LKCC	0
B112	林敬智	Lam King Chi	男子公開組	N	梁銖鋸	LKCC	0
B113	陳思堯	Chan Sze Yiu	男子公開組	N	梁銖鋸	LKCC	0
B114	梁梓樂	Leung Tsz Lok	男子公開組	N	梁銖鋸	LKCC	0
B115	鄭禮明	Cheng Lai Ming	男子公開組	N	梁銖鋸	LKCC	0
B121	呂承軒	Lui Shing Hin	男子公開組	N	楊葛小琳	LSTYKHL	0
B122	吳啟謙	Ng Kai Him Eric	男子公開組	N	楊葛小琳	LSTYKHL	0
B123	吳子謙	Ng Tsz Him Tommy	男子公開組	N	楊葛小琳	LSTYKHL	0
B124	鍾智睿	Zhong Chi Yui	男子公開組	N	楊葛小琳	LSTYKHL	0
B125	楊逸朗	Yeung Yat Long	男子公開組	Y	楊葛小琳	LSTYKHL	-10
B131	張曉滄	Chang Hiu Yung	男子公開組	N	李惠利	LWLC	0
B132	林俊浩	Lam Chun Ho	男子公開組	N	李惠利	LWLC	0
B133	梁考逸	Leung Hau Yat	男子公開組	N	李惠利	LWLC	0
B134	徐僊傑	Chui Sze Kit	男子公開組	N	李惠利	LWLC	0



中國香港學界體育聯會
2025 - 2026 年度
新界地域中學校際保齡球比賽
參賽運動員名單



比賽日期：2026年3月18日(星期三)

比賽地點：啟德體育園 TOP BOWL 保齡球場

運動員編號	運動員姓名	Name	男/女子組	香港青少年代表隊	學校簡稱	ABBR	讓分
B141	陳仲行	Chan Chung Hang Carson	男子公開組	N	陳楷	POHCKMC	0
B142	陳立峰	Chan Lap Fung	男子公開組	N	陳楷	POHCKMC	0
B143	李純熙	Lee Shun Hei	男子公開組	N	陳楷	POHCKMC	0
B144	梁喬博	Leung Kiu Pok	男子公開組	N	陳楷	POHCKMC	0
B145	羅曉流	Lo Hiu Lau	男子公開組	N	陳楷	POHCKMC	0
B151	江逸朗	Kong Yat Long	男子公開組	N	培聖	PS	0
B152	葉建樟	Yip Kin Cheung	男子公開組	N	培聖	PS	0
B153	顏念勤	Ngan Nim Kan	男子公開組	N	培聖	PS	0
B161	鍾鈞音	Chung Kwan Pui	男子公開組	N	聖芳濟	SFXS	0
B162	陳沛尉	Chan Pui Wai	男子公開組	N	聖芳濟	SFXS	0
B163	梁綽琛	Leung Cheuk Sum	男子公開組	N	聖芳濟	SFXS	0
B164	林靖灝	Lam Ching Ho	男子公開組	N	聖芳濟	SFXS	0
B165	羅煒曦	Law Wai Hei	男子公開組	N	聖芳濟	SFXS	0
B171	馬啟竣	Ma Kai Chun	男子公開組	N	曾肇添	SKHTST	0
B172	莊昊綸	Chong Ho Lun	男子公開組	N	曾肇添	SKHTST	0
B173	黎世哲	Li Sai Chit	男子公開組	N	曾肇添	SKHTST	0
B174	林浩然	Lam Ho Yin	男子公開組	N	曾肇添	SKHTST	0
B175	梁睿翹	Leung Yui Kiu	男子公開組	N	曾肇添	SKHTST	0
B191	黃洪濤	Wong Yat Tsun	男子公開組	N	西貢崇真	STS	0
B192	黃梓杰	Wong Tsz Kit	男子公開組	N	西貢崇真	STS	0
B193	詹昊霖	Chim Ho Lam	男子公開組	N	西貢崇真	STS	0
B201	劉倬熹	Lau Cheuk Hei	男子公開組	N	沙田崇真	STSS	0
B202	鄭柏皓	Cheng Pak Ho	男子公開組	N	沙田崇真	STSS	0
B203	劉卓為	Lau Cheuk Wai	男子公開組	N	沙田崇真	STSS	0
B204	蘇朗天	So Long Tin	男子公開組	N	沙田崇真	STSS	0
B205	連俊源	Lin Chun Yuen Tommy	男子公開組	N	沙田崇真	STSS	0
B211	林諾謙	Lam Nok Him	男子公開組	Y	德信	TSSS	-10
B212	鍾卓言	Chung Chenk Hin	男子公開組	N	德信	TSSS	0
B213	張皓雲	Cheung Ho Wan	男子公開組	N	德信	TSSS	0
B214	李維諾	Li Wai Nok	男子公開組	N	德信	TSSS	0
B215	黎仲禮	Lai Chung Lei	男子公開組	N	德信	TSSS	0
B221	任梓安	Yum Tsz On	男子公開組	N	恩主教	VC	0
B222	林樂堯	Lam Kent Kayden	男子公開組	N	恩主教	VC	0
B223	賴景謙	Lai King Him	男子公開組	N	恩主教	VC	0
G021	陳伊彤	Chan Yi Tung	女子公開組	N	粉陳震夏	CFCCH	0
G022	鄭金兒	Cheng Kam Yee	女子公開組	N	粉陳震夏	CFCCH	0
G023	張敏宜	Cheung Man Yi	女子公開組	N	粉陳震夏	CFCCH	0
G024	嚴靖琳	Yim Ching Lam	女子公開組	N	粉陳震夏	CFCCH	0
G025	馮樂兒	Fung Lok Yi	女子公開組	N	粉陳震夏	CFCCH	0
G041	曾曉恩	Jen Hiu Yan	女子公開組	N	陳瑞芝	CSCMC	0
G042	鄧凱恩	Tang Hoi Yan	女子公開組	N	陳瑞芝	CSCMC	0
G043	黃鈺倩	Wong Yuk Sin Sandy	女子公開組	N	陳瑞芝	CSCMC	0
G044	曾綺翹	Tsang Yee Kiu	女子公開組	N	陳瑞芝	CSCMC	0
G051	梁素菁	Leung So Ching	女子公開組	N	朱敬文	CWCC	0
G052	黃靖怡	Huang Ching Yi	女子公開組	N	朱敬文	CWCC	0
G053	高紫滢	Ko Tsz Ying Kristy	女子公開組	N	朱敬文	CWCC	0
G054	張家睿	Cheung Ka Yui	女子公開組	N	朱敬文	CWCC	0
G055	何昭慧	Ho Chiu Wai	女子公開組	N	朱敬文	CWCC	0
G061	林安靈	Lam On Ling	女子公開組	N	鍾榮光	CWK	0
G062	陳雅芝	Chan Nga Chi	女子公開組	N	鍾榮光	CWK	0
G063	李曉晴	Li Hiu Ching	女子公開組	N	鍾榮光	CWK	0
G064	陳禹晞	Chan Yu Hay	女子公開組	N	鍾榮光	CWK	0
G065	黃蕾	Wong Lui	女子公開組	N	鍾榮光	CWK	0



中國香港學界體育聯會
2025 - 2026 年度
新界地域中學校際保齡球比賽
參賽運動員名單



比賽日期：2026 年 3 月 18 日 (星期三)

比賽地點：啟德體育園 TOP BOWL 保齡球場

運動員編號	運動員姓名	Name	男/女子組	香港青少年代表隊	學校簡稱	ABBR	讓分
G071	姜凱晴	Keung Hoi Ching Sally	女子公開組	N	全完	CYC	0
G072	劉煒怡	Lau Wai Yi	女子公開組	N	全完	CYC	0
G073	陳羲彤	Chan Hei Tung	女子公開組	N	全完	CYC	0
G074	阮靖婷	Yuen Ching Ting	女子公開組	N	全完	CYC	0
G081	李栢喬	Lee Pak Kiu	女子公開組	N	大埔卍慈	HKRSS	0
G082	卓羚	Cheuk Ling	女子公開組	N	大埔卍慈	HKRSS	0
G083	陳紫琪	Chan Tsz Kei	女子公開組	N	大埔卍慈	HKRSS	0
G084	黃秀姿	Wong Sau Chi	女子公開組	N	大埔卍慈	HKRSS	0
G085	李嘉韻	Li Ka Wan	女子公開組	N	大埔卍慈	HKRSS	0
G091	鄭菁翹	Cheng Ching Kiu	女子公開組	N	體藝	JCTIC	0
G092	黃詠昕	Wong Wing Yan	女子公開組	N	體藝	JCTIC	0
G093	譚樂心	Tam Lok Sum	女子公開組	N	體藝	JCTIC	0
G094	陳嘉嵐	Chen Jia Lan	女子公開組	N	體藝	JCTIC	0
G095	黃希晨	Wong Hei Sen	女子公開組	N	體藝	JCTIC	0
G121	余思琦	Yu Sze Kei	女子公開組	N	楊葛小琳	LSTYKHL	0
G122	胡靜怡	Hu Vivian	女子公開組	N	楊葛小琳	LSTYKHL	0
G123	張翡珊	Cheung Fei Shan	女子公開組	N	楊葛小琳	LSTYKHL	0
G124	倪芷晴	Ngai Tsz Ching Claudia	女子公開組	N	楊葛小琳	LSTYKHL	0
G125	蘇淖桐	So Cheuk Tung	女子公開組	N	楊葛小琳	LSTYKHL	0
G131	王詠欣	Wong Wing Yan	女子公開組	N	李惠利	LWLC	0
G132	江樂施	Kong Lok Sze	女子公開組	N	李惠利	LWLC	0
G133	陳芊儀	Chan Chin Yee	女子公開組	N	李惠利	LWLC	0
G141	陳彥君	Chan Yin Kwan	女子公開組	N	陳楷	POHCKMC	0
G142	梁滙穎	Leung Tsz Wing Charis	女子公開組	N	陳楷	POHCKMC	0
G143	蘇詠澄	So Wing Ching	女子公開組	N	陳楷	POHCKMC	0
G144	胡寶怡	Woo Po Yi	女子公開組	N	陳楷	POHCKMC	0
G145	胡善怡	Woo Sin Yi	女子公開組	N	陳楷	POHCKMC	0
G151	陳籽青	Chan Tsz Ching	女子公開組	N	培聖	PS	0
G152	陳楚翹	Chan Cho Kiu Eliza	女子公開組	N	培聖	PS	0
G153	陳籽嫻	Chan Tsz Hong	女子公開組	N	培聖	PS	0
G181	王希兒	Wong Hei Yee	女子公開組	N	南屯官	STMGSS	0
G182	陳可悠	Chan Ho Yau	女子公開組	N	南屯官	STMGSS	0
G183	林紫晴	Lam Tsz Ching	女子公開組	N	南屯官	STMGSS	0
G184	葉卓妍	Ip Cheuk Yin	女子公開組	N	南屯官	STMGSS	0
G185	黃心悅	Wong Sum Yuet	女子公開組	N	南屯官	STMGSS	0
G201	梁倩翎	Leung Shin Ling	女子公開組	N	沙田崇真	STTSS	0
G202	朱恩澄	Chu Yan Ching	女子公開組	N	沙田崇真	STTSS	0
G203	鍾巧悠	Chung Hau Yau	女子公開組	N	沙田崇真	STTSS	0
G204	關悅	Kwan Yuet	女子公開組	N	沙田崇真	STTSS	0
G205	郭子晴	Kwok Tsz Ching	女子公開組	N	沙田崇真	STTSS	0